TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/12/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Trang và bà Nguyễn Thị Tường Vân

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Không

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST – HNGĐ ngày 27/11/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh ngày 20/4/1979

Số CCCD: 038179xxxxxx

Địa chỉ: Thôn E, xã T, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Chu Xuân H (tên gọi khác: Chu Văn H), sinh ngày 06/8/1976

Số CCCD: 038076xxxxxx

Địa chỉ: Thôn E, xã T, tỉnh T.

Tại phiên toà vắng mặt bà L và ông H (Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Chu Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là xã T, tỉnh T) vào ngày 14/7/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hoà hợp, thường xuyên cãi vã, bất

đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ năm 2024 cho đến nay vợ chồng tuy vẫn ở cùng một nhà nhưng đã ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Chu Xuân H.

Về con chung: Bà Vũ Thị L và ông Chu Xuân H có 02 con chung là Chu Xuân H1 (giới tính: Nam), sinh ngày: 20/11/1999 và Chu Thị Thu H2 (giơi tính: Nữ), sinh ngày: 29/08/2007. Hiện nay các con đã đủ tuổi thành niên nên bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Bà Vũ Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/10/2025, quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn là ông Chu Xuân H trình bày:

Ông Chu Xuân H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Toà án.

Về hôn nhân: ông H đồng ý ly hôn với bà Vũ Thị L.

Về con chung: ông H và bà L có 02 con chung là Chu Xuân H1 và Chu Thị Thu H2, hiện nay các con đã đủ 18 tuổi nên ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông H có tạo lập được tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Chu Xuân H để nộp bản tự khai, tuy nhiên tại bản tự khai ông H trình bày không đầy đủ và không ký vào bản tự khai. Do đó, trong bản tự khai ngày 09/10/2025 không có chữ ký của ông H.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị L vắng mặt, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị L có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với ông Chu Xuân H có hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng ông H vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông H và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho ông H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Ông H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải 2 lần nhưng ông H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Ông Chu Xuân H đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định

hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 02 không có lý do, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông H là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Chu Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là xã T, tỉnh T) vào ngày 14/7/1999. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2024, khi vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà Vũ Thị L xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn ông H. Tại bản tự khai ông H cũng đồng ý ly hôn bà L. Bên cạnh đó, ông H đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng vẫn không tham gia phiên hoà giải cũng như phiên tòa mà không có lý do, điều đó thể hiện ông H không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa bà Vũ Thị L và ông Chu Xuân H đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Vũ Thị L được ly hôn ông Chu Xuân H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Bà Vũ Thị L và ông Chu Xuân H có 02 con chung là Chu Xuân H1 (giới tính: Nam), sinh ngày: 20/11/1999 và Chu Thị Thu H2 (giới tính: Nữ), sinh ngày: 29/08/2007. Hiện nay các con đã đủ tuổi thành niên (18 tuổi), bà L và ông H đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản, công nợ: Bà Vũ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị L được ly hôn ông Chu Xuân H.

2. Về con chung: Bà Vũ Thị L và ông Chu Xuân H có 02 con chung là Chu Xuân H1 (giới tính: Nam), sinh ngày: 20/11/1999 và Chu Thị Thu H2 (giới tính: Nữ), sinh ngày: 29/08/2007. Hiện nay các con đã đủ tuổi thành niên (18 tuổi), bà L và ông H đều

không yêu cầu Toà án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0000901 ngày 01/10/2025. Bà Vũ Thị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Ông Chu Xuân H không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bà Vũ Thị L và ông Chu Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Giang